



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

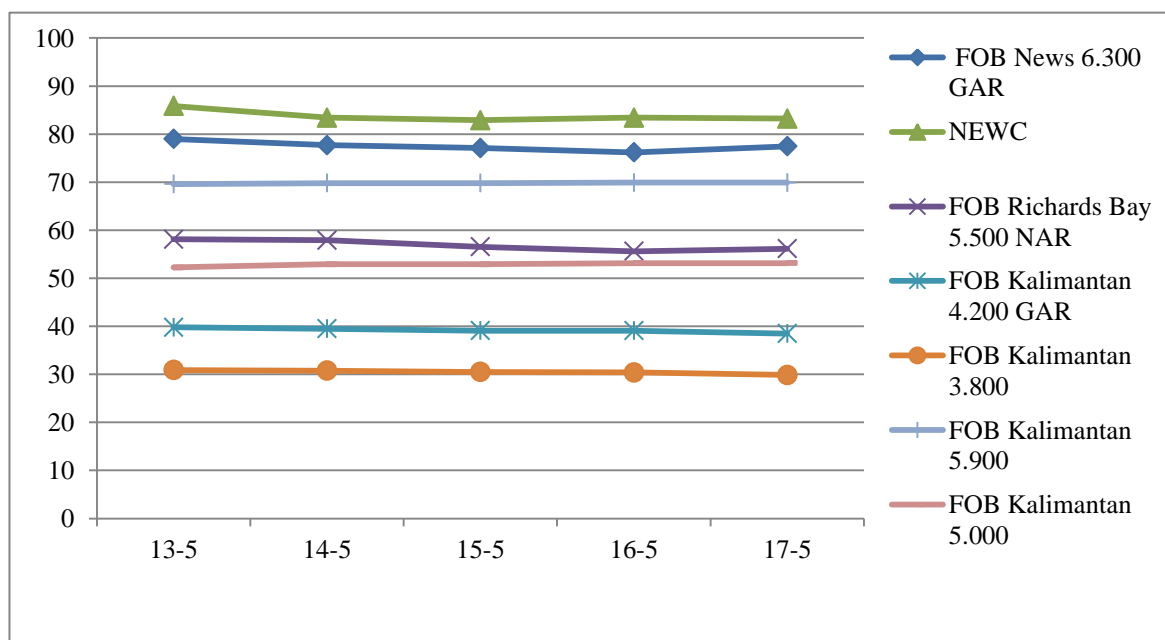
Ngày 23/5/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	77,45	+1,25	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	80,32	N/A	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	56,15	+0,55	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,90	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,15	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	46,50	-0,50	320,24	-1,84
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,00	+0,10	420,10	+2,77
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	69,75	+0,00	480,36	+2,38

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 17/5/2019)

ĐIỂM TIN

Tổng thống Ukraine mới mở ra tương lai tươi sáng cho ngành thép và than

Tổng thống Ukraine mới, ông Volodymyr Zelenskiy đã tuyên bố sẽ khởi động lại các cuộc đàm phán hòa bình với Nga, chấm dứt chiến tranh ở phía Đông và thống nhất Ukraine sau năm năm xung đột kể từ khi Nga sáp nhập Crimea vào năm 2014. Điều này được cho là sẽ ảnh hưởng tích cực đến ngành công nghiệp thép và than của nước này, nhưng kết quả sẽ chỉ thể hiện rõ nét trong dài hạn. Mặc dù ông Zelenskiy đã thuyết phục được các cử tri bầu chọn cho mình, nhưng các cam kết của ông chưa được chuyển thành các kế hoạch cải cách hoặc chương trình nghị sự chính sách đối ngoại cụ thể, ông Andre Dikhtyarenko, biên tập viên của Realna Gazeta, một trong những hãng tin độc lập của Ukraine cho biết, do đó dự kiến chưa thể có những thay đổi lớn trong tương lai gần. Các nhà quan sát cho rằng vẫn còn phải xem xét chính sách và cách tiếp cận của tổng thống sau khi thảo luận về việc giành lại quyền kiểm soát các khu vực ly khai Luhansk và Donetsk ở miền Đông Donbass, đang nằm dưới sự kiểm soát của người Nga từ thời tổng thống Petro Poroshenko, tại chức từ năm 2014. Các quyết định chiến lược chỉ có thể được ban hành sau cuộc bầu cử quốc hội vào tháng 10 năm 2019, khi ông Zelenskiy dự kiến chiếm ưu thế.

Sản lượng than của Ukraine đạt 33,3 triệu tấn trong năm 2018, giảm 4,7% so với năm 2017, theo Bộ Năng lượng và Than Ukraine. Đây là kết quả từ việc hoạt động sản xuất than nhiệt đình trệ: Ukraine đã cắt giảm tiêu thụ than antraxit khoảng 62,8% trong hai năm qua sau khi các mỏ antraxit ở Donetsk và Luhansk rơi vào tay các phiến quân thân Nga. Ukraine đã tiêu thụ 3,9 triệu tấn than antraxit trong các NMNĐ vào năm 2018, so với 10,5 triệu tấn vào năm 2016. Chính phủ đã bắt đầu nâng cấp các tổ máy để chuyển sang sử dụng than nhiệt, có nguồn cung dồi dào hơn từ các vùng khác của nước này.

TsentrEnerg, một trong những doanh nghiệp sản xuất điện than lớn nhất nước do chính phủ sở hữu, đã nâng cấp các tổ máy của mình và cho biết sẽ không sử dụng than antraxit trong năm 2019, trong khi năm 2016 doanh nghiệp này đã tiêu thụ 2,2 triệu tấn than antraxit. Việc nâng cấp để chuyển đổi từ sử dụng than antraxit sang than nhiệt bắt đầu vào tháng 5 năm 2016. Các công ty sản xuất điện tư nhân cũng nâng cấp các tổ máy của mình để sử dụng than nhiệt. DTEK, công ty sản xuất điện tư nhân lớn nhất Ukraine, đã thay thế 1,3 triệu tấn than antraxit bằng than nhiệt trong hai năm qua.

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

Khối lượng than cung cấp cho các NMNĐ Ấn Độ trong tháng 4 đạt 40,7 triệu tấn

Theo số liệu chính thức, khối lượng than Coal India Ltd (CIL) cung cấp cho các NMNĐ trong nước trong tháng 4/2019 đã đạt 40,7 triệu tấn, tăng 1% so với 40,3 triệu tấn trong tháng 4/2018. Tuy nhiên, khối lượng than Singareni Collieries Co Ltd (SCCL) cung cấp lại giảm xuống còn 4,7 triệu tấn, thấp hơn 2% so với 4,8 tấn tháng 4 năm 2018. Công ty TNHH Singareni Collieries thuộc sở hữu chung của Chính quyền Telangana và Chính phủ Ấn Độ với tỷ lệ vốn chủ sở hữu 51:49. CIL đã cung cấp 488 triệu tấn than cho ngành điện trong năm 2018-19, tăng 7,4% so với năm trước đó. Công ty khai thác than lớn nhất thế giới này đã cung cấp 454,2 tấn than cho ngành điện trong năm 2017-18. Trước đó, Bộ trưởng Than ông Piyush Goyal cho biết trong giai đoạn này không có nhà máy điện nào phải đối mặt với tình trạng thiếu nhiên liệu. Bộ trưởng cũng tuyên bố không có nhà máy nhiệt điện nào báo cáo giảm hiệu suất phát điện do thiếu nguồn cung.

(Nguồn: <https://www.asianage.com/business/in-other-news/190519/coal-supply-to-power-sector-rises-marginally-to-407-mt-in-april.html>)

Sản lượng than nguyên khai của Trung Quốc tăng trưởng chậm trong tháng 4

Hoạt động sản xuất than nguyên khai của Trung Quốc trong tháng 4 đã tăng trưởng khá chậm, theo dữ liệu từ Cục Thống kê Quốc gia (NBS) vào ngày 15 tháng 5, nguyên nhân do hoạt động khai thác tại các mỏ bị hạn chế bởi các cuộc kiểm tra an toàn và môi trường nghiêm ngặt diễn ra thường xuyên trong tháng. Đã có 294,29 triệu tấn than nguyên khai được sản xuất vào tháng 4, dữ liệu của NBS cho thấy. Con số này chỉ cao hơn 0,1% so với tháng 4 năm ngoái, sản lượng than nguyên khai

trong tháng 4/2018 cũng chỉ tăng nhẹ 2,7% so với tháng 3/2018. Sản lượng than nguyên khai tháng 4 năm nay thấp hơn 4,06 triệu tấn tương đương 1,36% so với tháng 3/2019. Trong bốn tháng đầu năm, Trung Quốc đã sản xuất 1,11 tỷ tấn than nguyên khai, tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng bốn tháng đầu năm 2018 tăng 0,4% so với năm trước đó.

(Nguồn: <https://www.worldcoal.com/coal/16052019/chinas-april-raw-coal-output-registers-slower-growth-reports-nbs/>)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	7,80	+0,20
	Queensland	Nhật Bản	8,80	+0,25
	New South Wales	Hàn Quốc	9,65	+0,25
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,85	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,95	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,50	+0,00
	Australia	Trung Quốc	11,30	+0,10
	Australia	Ấn Độ	12,10	+0,05

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 17/05/2019)